

Bản tin Phân tích kỹ thuật

29/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Xuất hiện tín hiệu hồi phục trên 411G2000 với đà hồi phục ổn định bởi hợp đồng này đóng cửa trên đường MA20, MA50 và quanh vùng giá cao trong ngày. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua với mục tiêu là vùng 2.040 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.018 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.025 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.040 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.018 điểm

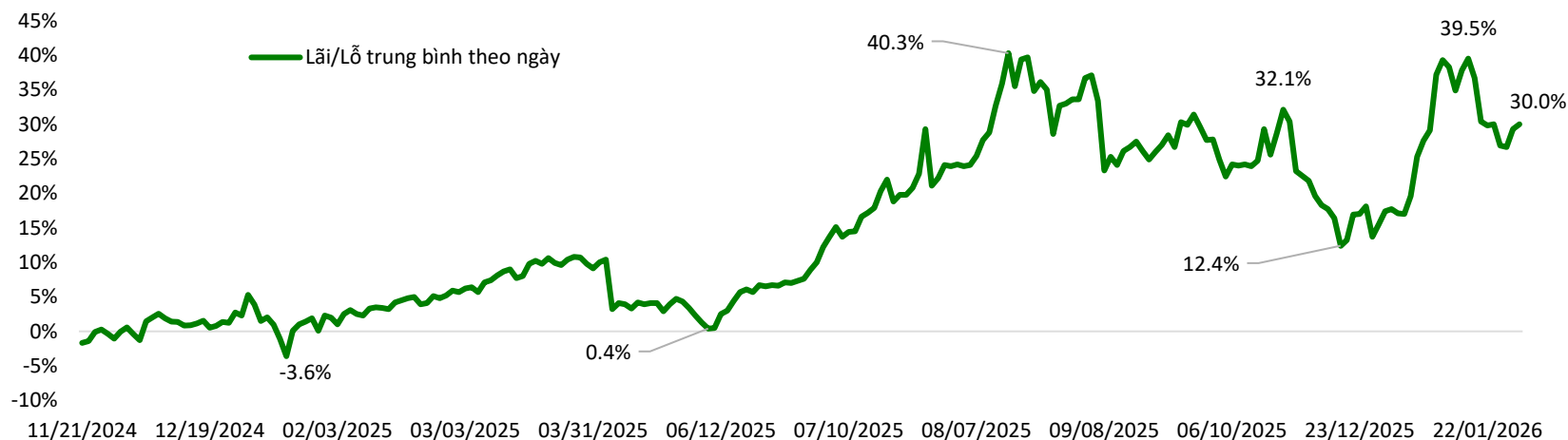
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index tăng điểm kèm sắc xanh trên 188 mã cho thấy lực cầu tiếp tục cải thiện và gia tăng mức độ dàn trải. Phân khúc vốn hóa lớn (rổ VN30) ghi nhận biên độ tăng cao trên nhiều mã. Tuy nhiên, xét về tín hiệu kỹ thuật, phiên tăng 29/01 chưa chi phối mức Tiêu cực ngắn hạn đang có trên tất cả các rổ chỉ số.
- Về hoạt động giao dịch, hoạt động mua gia tăng và tập trung nhiều ở nhóm Tiêu dùng và Bán lẻ. Đáng chú ý, không ghi nhận áp lực cung bất thường ở các nhóm ngành khác. Ngoài ra, tín hiệu kỹ thuật cũng cải thiện trên diện rộng và ở mọi phân khúc vốn hóa.
- Trong phiên 29/01, hoạt động hồi phục trên VN-Index diễn ra với sắc xanh áp đảo ở cổ phiếu thành phần, áp lực cung chững lại và lực cầu cải thiện. Do đó, chúng tôi duy trì khả năng khu vực 1.800 (+/-20) điểm là đáy ngắn hạn và khu vực 1.850 điểm là mục tiêu tiếp theo. Tuy nhiên, riêng phiên 29/01, hoạt động giằng co sẽ xuất hiện với tần suất cao hơn trong ngày bởi sàn HOSE sẽ bắt đầu cân bằng các áp lực bán giá cao tồn đọng từ ba phiên giảm trước.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MBB	09/01/2026		Đang mở	26,700	26,700	0.0%	25,500	29,500		
SSI	09/01/2026		Đang mở	31,150	30,300	2.8%	29,200	34,500	30,500	37,600
BID	28/01/2026		Đang mở	51,900	51,500	0.8%	49,300	59,000		
VCB	28/01/2026		Đang mở	69,800	69,400	0.6%	66,400	75,000		
IDC	28/01/2026		Đang mở	46,300	44,600	3.8%	40,800	53,500		
PVS	28/01/2026		Đang mở	43,500	40,800	6.6%	38,750	44,000	40,800	45,500
STB	29/01/2026		Đang mở	62,800	62,600	0.3%	58,400	70,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	107,000	2.59%	-11.20%	439,493	2.334	6,133	2.0	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GVR	40,850	6.94%	4.74%	163,400	2.325	1,569	2.8	26.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	71,100	5.02%	0.28%	148,596	1.531	4,160	4.4	17.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MSN	84,100	5.79%	5.26%	121,601	1.443	2,710	3.4	31.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	89,500	4.68%	3.47%	131,427	1.261	3,957	4.2	22.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VJC	164,000	-4.37%	-9.39%	97,024	-0.870	2,897	4.0	56.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDB	27,850	-2.28%	-4.62%	139,397	-0.652	3,055	2.1	9.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
HPG	27,100	1.50%	0.93%	208,005	0.639	1,876	1.7	14.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	27,200	3.62%	-4.39%	84,633	0.628	3,765	15.1	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	126,500	6.75%	14.58%	43,155	0.598	6,907	3.6	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	34,900	1.16%	-3.06%	247,310	0.588	3,577	1.5	9.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	116,800	-1.02%	11.45%	281,833	-0.588	5,014	4.3	23.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	106,100	1.53%	2.51%	180,742	0.568	5,511	5.0	19.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPL	92,000	1.10%	0.00%	164,984	0.372	-60	4.6	-1,542.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SAB	50,300	2.76%	-0.59%	64,513	0.365	3,373	2.8	14.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	214,900	9.98%	43.27%	42,980	0.306	9,526	9.4	22.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	68,500	-2.28%	-4.60%	61,635	-0.100	17,478	3.5	3.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	86,500	-3.24%	-8.95%	20,262	-0.047	4,695	2.5	18.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	12,400	-1.59%	-6.06%	23,865	-0.027	-3,426	3.5	-3.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	31,100	2.98%	2.98%	11,973	0.025	264	2.7	118.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HGM	250,500	9.96%	10.84%	3,156	0.022	37,750	6.6	6.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	53,000	9.28%	0.38%	2,650	0.018	2,386	2.6	22.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TNG	21,000	8.81%	5.53%	2,703	0.017	3,163	1.4	6.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	12,600	1.61%	-5.26%	12,641	0.015	1,055	1.0	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVB	19,200	9.09%	1.05%	2,016	0.013	2,316	1.2	8.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

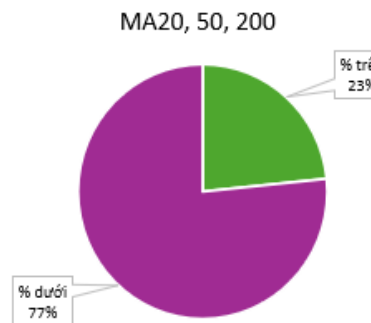
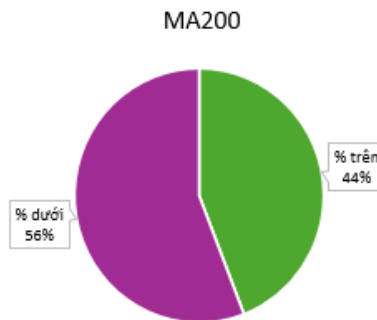
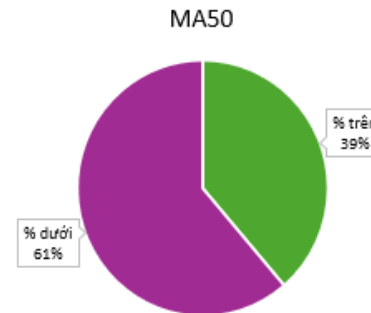
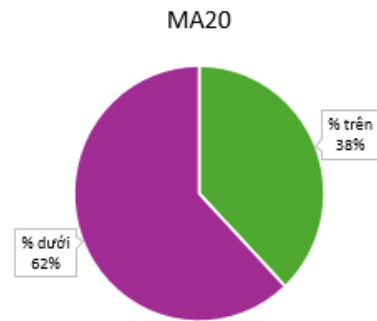
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	36,400	13.40%	25.95%	39,066	0.323	10	3.2	3,457.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	209,900	-10.68%	12.19%	23,423	-0.154	3,195	13.6	66.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	96,000	2.13%	0.52%	70,723	0.093	4,627	6.5	20.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MML	41,900	9.69%	7.99%	14,040	0.084	1,693	2.8	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TIN	99,500	14.50%	66.11%	9,069	0.081	11,764	4.5	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	123,000	0.33%	-3.15%	367,467	0.074	3,046	9.7	39.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
RGG	39,300	14.91%	14.24%	7,830	0.072	835	3.5	46.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	52,600	-0.57%	-12.91%	187,187	-0.065	2,971	2.8	17.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCV	226,000	-10.53%	56.29%	8,297	-0.054	3,750	10.7	70.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	36,900	3.94%	-1.60%	11,867	0.029	2,520	2.0	14.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GVR	40,850	6.9%	373.9	223.5	21,986	39,850	2.8	26.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	126,500	6.8%	802.2	156.1	61,190	118,500	3.6	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	36,400	13.4%	222.7	60.0	10,800	32,100	3.2	3,457.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	165,000	2.9%	177.5	76.3	99,280	164,800	9.1	45.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
QNS	47,500	0.8%	9.0	6.2	40,496	47,383	1.6	9.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TIN	99,500	14.5%	18.7	3.7	14,000	86,900	4.5	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	35,700	5.0%	13.9	6.3	24,857	34,000	3.6	35.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SWC	35,600	9.5%	8.0	0.6	24,286	35,070	1.2	7.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VVS	79,700	7.0%	64.0	11.3	14,459	74,500	2.6	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	20,200	0.5%	20.9	29.6	16,300	20,100	1.8	22.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HHP	13,400	2.7%	28.8	12.0	8,220	13,100	1.2	27.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVB	39,100	0.8%	10.7	18.2	21,600	38,800	1.9	13.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TV1	28,900	5.1%	6.5	1.5	19,679	28,349	1.7	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HGM	250,500	10.0%	12.6	1.6	183,515	349,514	6.6	6.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VVS	79,700	7.0%	64.0	11.3	14,459	74,500	2.6	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MML	41,900	9.7%	50.2	7.2	23,600	45,500	2.8	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BIC	26,600	6.6%	23.6	5.9	17,741	31,596	1.7	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	84,100	5.8%	2056.8	537.5	50,300	88,500	3.4	31.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	65,000	6.6%	268.1	65.4	42,280	69,871	1.5	9.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TNG	21,000	8.8%	90.4	24.2	12,948	21,550	1.4	6.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			29/1/2026	28/01/2026	27/1/2026	26/01/2026	23/01/2026	22/01/2026	21/01/2026	20/01/2026	19/01/2026	16/01/2026	15/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	46%	46%	46%	44%	49%	53%	53%	54%	55%	53%	52%
		Dưới	54%	54%	54%	56%	51%	47%	47%	46%	45%	47%	48%
	MA50	Trên	44%	39%	41%	39%	49%	54%	50%	54%	57%	54%	53%
		Dưới	56%	61%	59%	61%	51%	46%	50%	46%	43%	46%	47%
	MA20	Trên	44%	35%	37%	36%	50%	60%	51%	56%	59%	58%	59%
		Dưới	56%	65%	63%	64%	50%	40%	49%	44%	41%	42%	41%
VN30	MA200	Trên	83%	87%	90%	87%	90%	90%	90%	90%	93%	93%	90%
		Dưới	17%	13%	10%	13%	10%	10%	10%	10%	7%	7%	10%
	MA50	Trên	57%	50%	63%	60%	73%	80%	73%	83%	83%	83%	87%
		Dưới	43%	50%	37%	40%	27%	20%	27%	17%	17%	17%	13%
	MA20	Trên	43%	37%	43%	30%	70%	77%	67%	80%	83%	83%	80%
		Dưới	57%	63%	57%	70%	30%	23%	33%	20%	17%	17%	20%
HNX	MA200	Trên	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%	49%	49%	49%	46%
		Dưới	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%	51%	51%	51%	54%
	MA50	Trên	41%	37%	38%	38%	42%	47%	46%	48%	50%	49%	46%
		Dưới	59%	63%	62%	62%	58%	53%	54%	52%	50%	51%	54%
	MA20	Trên	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%	49%	49%	49%	46%
		Dưới	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%	51%	51%	51%	54%
UPCOM	MA200	Trên	35%	32%	34%	33%	38%	38%	36%	37%	39%	39%	35%
		Dưới	65%	68%	66%	67%	62%	62%	64%	63%	61%	61%	65%
	MA50	Trên	37%	35%	37%	37%	40%	40%	39%	39%	40%	40%	39%
		Dưới	63%	65%	63%	63%	60%	60%	61%	61%	60%	60%	61%
	MA20	Trên	44%	43%	43%	44%	46%	46%	46%	46%	46%	46%	44%
		Dưới	56%	57%	57%	56%	54%	54%	54%	54%	54%	54%	56%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18		Tháng 1																		Tháng 12	
		29 ↓	28	27	26	23	22	21	20	19	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05	31
✓ 1	Dầu khí	90	89	88	87	88	91	90	90	91	91	91	92	90	89	90	89	87	85	80	80
2	Công nghệ Thông tin	75	58	59	62	72	74	75	75	85	81	73	69	66	67	63	61	53	50	52	55
3	Viễn thông	74	76	73	76	80	84	86	91	92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Bán lẻ	71	69	65	70	79	82	82	85	84	77	74	74	72	66	62	67	67	65	65	67
5	Hàng cá nhân & Gia ...	67	64	64	73	78	75	74	83	83	81	81	76	72	70	61	54	49	43	41	41
6	Điện, nước & xăng d...	66	64	66	68	71	73	72	72	74	71	70	72	68	64	65	67	67	66	67	67
✓ 7	Hóa chất	64	64	66	69	71	71	69	71	71	71	71	66	64	61	56	54	51	41	39	42
✓ 8	Thực phẩm và đồ uố...	64	62	61	62	65	66	66	66	65	65	64	61	58	46	48	50	49	48	50	54
9	Y tế	62	74	73	73	72	74	69	74	-	-	-	-	-	-	65	64	52	53	67	55
10	Tài nguyên Cơ bản	60	56	53	58	61	60	60	61	61	63	58	54	54	46	50	47	45	40	39	40
11	Bảo hiểm	59	60	60	68	75	84	84	83	84	84	77	73	71	68	64	65	64	53	55	59
! 12	Ngân hàng	52	57	59	63	62	64	65	69	68	66	68	70	70	62	59	59	54	42	40	48
! 13	Hàng & Dịch vụ Cón...	51	53	54	58	66	70	73	72	69	70	66	62	60	49	44	45	44	36	37	42
✗ 14	Xây dựng và Vật liệu	45	46	44	45	45	46	47	52	53	49	48	48	45	40	38	40	37	34	35	38
✗ 15	Du lịch và Giải trí	44	45	55	58	57	55	56	57	60	64	65	63	62	58	51	49	48	45	46	44
✗ 16	Ô tô và phụ tùng	43	43	41	41	49	48	50	56	57	55	52	48	42	34	32	34	35	32	31	33
✗ 17	Dịch vụ tài chính	35	35	37	42	42	41	44	52	54	55	53	53	53	38	29	30	26	21	24	32
✗ 18	Bất động sản	27	28	32	36	38	38	37	34	32	31	31	32	31	29	34	36	35	34	33	34

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	116,800	-1.0%	11.5%	281,833	4.3	23.3	5,014	420.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	106,100	1.5%	2.5%	180,742	5.0	19.3	5,511	1,505.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GVR	40,850	6.9%	4.7%	163,400	2.8	26.0	1,569	373.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	71,100	5.0%	0.3%	148,596	4.4	17.1	4,160	702.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MSN	84,100	5.8%	5.3%	121,601	3.4	31.0	2,710	2,056.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	62,800	-0.6%	-1.1%	118,392	1.9	9.6	6,519	446.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	21,850	-0.2%	-1.6%	109,409	1.9	52.9	413	359.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	96,000	2.1%	0.5%	70,723	6.5	20.7	4,627	64.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	126,500	6.8%	14.6%	43,155	3.6	18.3	6,907	802.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	214,900	10.0%	43.3%	42,980	9.4	22.6	9,526	10.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	36,400	13.4%	26.0%	39,066	3.2	3,457.8	10	222.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	67,900	3.2%	-3.0%	28,959	2.3	19.5	3,492	66.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FRT	165,000	2.9%	7.6%	28,100	9.1	45.6	3,620	177.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	43,500	0.0%	8.2%	22,247	1.5	12.2	3,560	417.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	37,000	2.8%	-2.5%	19,588	1.9	10.3	3,578	147.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IDC	46,300	0.4%	-2.3%	17,571	2.7	9.1	5,090	157.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	47,500	0.8%	1.9%	17,442	1.6	9.1	5,231	9.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
OIL	15,000	-0.7%	-0.7%	15,383	1.5	38.8	384	52.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	65,000	6.6%	6.9%	14,589	1.5	9.4	6,944	268.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
SIP	58,600	2.8%	0.9%	14,188	2.8	10.7	5,474	36.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCG	19,000	-2.3%	-17.7%	12,283	1.1	3.1	6,148	179.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	7,360	1.4%	-8.8%	4,262	0.7	11.5	639	7.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	52,600	-0.6%	-12.9%	187,187	2.8	17.6	2,971	148.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,800	-0.4%	-4.2%	122,252	1.3	7.8	3,042	485.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCK	46,100	-0.3%	-2.0%	70,156	2.4	16.8	2,742	58.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	30,000	3.1%	-5.8%	68,170	1.4	10.6	2,837	113.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	17,500	0.3%	-2.0%	59,570	1.3	7.9	2,225	74.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	27,400	-1.4%	-7.0%	51,375	1.5	11.9	2,298	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,450	0.0%	-1.4%	49,645	1.2	7.5	2,332	32.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	20,950	0.5%	-6.5%	39,024	1.5	12.8	1,635	68.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	22,000	-0.2%	-10.6%	33,691	1.6	6.2	3,533	450.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	36,500	1.4%	-8.6%	32,938	2.0	15.8	2,313	163.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	11,700	0.0%	-2.1%	31,158	1.0	8.0	1,460	15.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,900	0.0%	-8.2%	30,188	1.7	31.4	857	93.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	18,450	-0.8%	-3.9%	28,086	1.3	13.9	1,328	106.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	14,100	-1.1%	-4.1%	24,191	1.1	6.0	2,337	20.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	53,000	-0.2%	-4.7%	16,963	3.3	46.1	1,149	87.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,600	-0.5%	-4.1%	16,730	1.3	12.4	1,501	312.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,450	-1.9%	-7.6%	13,801	1.4	13.2	2,158	62.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAH	56,200	0.5%	-4.7%	9,490	2.3	7.9	7,151	57.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,360	1.38%	-8.80%	13,600	87.3%	639	0.7	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,900	0.00%	-8.19%	48,500	80.3%	857	1.7	31.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,450	-1.90%	-7.63%	52,100	79.7%	2,158	1.4	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	67,800	-0.44%	-8.13%	118,000	73.3%	8,296	1.7	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVL	12,150	2.10%	-5.08%	20,000	68.1%	(1,921)	0.7	-6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,400	2.50%	7.19%	25,500	59.4%	353	1.3	46.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	15,200	0.00%	-3.49%	24,000	57.9%	395	1.4	38.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	36,500	1.39%	-8.64%	54,000	50.0%	2,313	2.0	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,400	1.93%	-2.04%	37,000	42.9%	938	1.5	28.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,800	-0.42%	-4.23%	33,300	39.3%	3,042	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	46,900	1.74%	-1.68%	64,100	39.0%	3,130	2.4	15.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SZC	31,300	1.29%	-1.88%	42,400	37.2%	1,917	1.8	16.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,650	-0.36%	-5.31%	38,000	36.9%	3,024	1.3	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	27,100	1.50%	0.93%	35,700	33.7%	1,876	1.7	14.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	31,150	0.65%	-2.35%	40,800	31.8%	1,875	2.5	16.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	34,900	1.16%	-3.06%	44,800	29.9%	3,577	1.5	9.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	34,550	1.17%	-0.58%	43,900	28.6%	973	1.8	35.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	84,100	5.79%	5.26%	101,200	27.3%	2,710	3.4	31.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	18,300	0.55%	-3.94%	23,100	26.9%	1,988	0.9	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	62,000	0.32%	-1.90%	78,200	26.5%	4,776	1.7	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn